

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 1**NGHỊ ĐỊNH****Về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; phạm vi nội dung, hình thức hương ước, quy ước; trình tự, thủ tục soạn thảo, thông qua, công nhận, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cộng đồng dân cư (thôn, làng, bản, ấp, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, xóm, tiểu khu) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hương ước, quy ước là văn bản quy định các quy tắc xử sự do cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố tự nguyện thỏa thuận và thiết lập nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính tự quản của cộng đồng dân cư, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý nhà nước bằng pháp luật và được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

2. Hương ước, quy ước vi phạm là văn bản có nội dung trái pháp luật, trái đạo đức xã hội hoặc trái phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc được áp dụng tại địa phương đã được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc vi phạm quy định về thông qua, công nhận hương ước, quy ước quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Mục đích xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường gắn với thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp; hạn chế và từng bước loại bỏ phong tục, tập quán lạc hậu; xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân cư.

2. Bảo đảm tự nguyện, trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất, công khai, minh bạch của cộng đồng dân cư; phát huy đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân; dựa trên nhu cầu tự quản của cộng đồng dân cư.

3. Bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng các giá trị văn hóa mới phù hợp với đặc điểm tình hình của cộng đồng dân cư.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Không vi phạm quyền con người, quyền công dân, bảo đảm không phân biệt, đối xử.

6. Không đặt ra các khoản phí, lệ phí, phạt tiền, phạt vật chất.

7. Chỉ có phạm vi thực hiện trong thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Phạm vi nội dung của hương ước, quy ước

1. Đề ra các biện pháp, phương thức thích hợp giúp dân cư trên địa bàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, bảo đảm và phát huy quyền tự do, dân chủ của Nhân dân; động viên và tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công dân;

2. Ghi nhận các phong tục, tập quán tốt đẹp và biện pháp hạn chế, tiến tới xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan; thực hiện nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp, ăn, ở, đi lại, việc cưới, việc tang và lễ hội; phát triển các hoạt động văn hoá lành mạnh, xây dựng và phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, vun đắp xây dựng hạnh phúc gia đình; thực hiện tốt các chính sách văn hóa-xã hội của Đảng và Nhà nước;

3. Đề ra các biện pháp góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc; bảo vệ tài sản công và tài sản công dân, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn góp phần phòng chống các tệ nạn xã hội; tương trợ góp phần xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế nâng cao đời sống, khuyến học, khuyến nghề ở địa phương;

4. Đề ra các biện pháp thưởng, phạt phù hợp để bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định này. Những hành vi vi phạm pháp luật phải do các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Việc áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hương ước không thay thế các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Tùy theo đặc điểm vùng, miền, văn hóa dân tộc, tình hình kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán ở từng địa phương, có thể lựa chọn những nội dung thật sự cần thiết tại khoản 1, 2, 3, 4 của Điều này để đưa vào hương ước bảo đảm thiết thực, phù hợp với yêu cầu tự quản của cộng đồng dân cư và mục đích, nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định này.

Điều 6. Hình thức của hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước được thể hiện dưới hình thức văn bản, có chữ ký xác nhận của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố và 02 đại diện của các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố, khuyến khích đại diện là các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Hương ước, quy ước sau khi được công nhận có đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Ngôn ngữ trong hương ước, quy ước là tiếng Việt, được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, phù hợp với cộng đồng dân cư.

Đối với thôn, tổ dân phố có nhiều dân tộc cùng sinh sống và sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau thì cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố xem xét, quyết định việc dịch hương ước, quy ước sang tiếng dân tộc thiểu số để bảo đảm huy động đông đảo người dân tham gia ý kiến, biểu quyết thông qua dự thảo hương ước, quy ước và thực hiện sau khi được công nhận.

3. Việc lựa chọn tên gọi “Hương ước” hoặc “Quy ước” do cộng đồng dân cư thống nhất, quyết định.

Chương II

XÂY DỰNG, CÔNG NHẬN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ HOẶC BÃI BỎ, TẠM NGỪNG THỰC HIỆN HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC

Điều 7. Đề xuất, soạn thảo nội dung hương ước, quy ước

1. Đề xuất soạn thảo hương ước, quy ước được thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

a) Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì đề xuất nội dung cơ bản dự kiến quy định trong hương ước, quy ước sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

b) Công dân cư trú tại thôn, tổ dân phố có sáng kiến đề xuất nội dung dự kiến quy định trong hương ước, quy ước đề nghị Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố thực hiện phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình tại thôn, tổ dân phố về nội dung dự kiến quy định trong hương ước, quy ước do mình đề xuất thực hiện theo các khoản 2, 3 Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở hoặc thu thập ý kiến đồng thuận về sáng kiến đề xuất nội dung dự kiến quy định trong hương ước, quy ước bằng hình thức trực tiếp tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.

- Trường hợp sáng kiến của công dân về hương ước, quy ước có lớn hơn hoặc bằng 10% tổng số hộ gia đình tại thôn, tổ dân phố đồng thuận thì gửi đề xuất lên Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

- Trường hợp sáng kiến của công dân về hương ước, quy ước chưa có đủ 10% tổng số hộ gia đình tại thôn, tổ dân phố đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tán thành thì Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố đưa ra để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

2. Soạn thảo nội dung hương ước, quy ước

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố lựa chọn, cử người tham gia Tổ soạn thảo hương ước, quy ước trên cơ sở đề xuất tại khoản 1 Điều này.

b) Thành viên Tổ soạn thảo hương ước, quy ước phải là người có uy tín trong cộng đồng dân cư; có phẩm chất đạo đức tốt; có kinh nghiệm sống và có hiểu biết về pháp luật, văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương; có đại diện

phụ nữ tham gia. Đối với thôn, tổ dân phố vùng dân tộc thiểu số thì thành viên Tổ soạn thảo phải có sự tham gia của người dân tộc thiểu số biết tiếng dân tộc thiểu số.

c) Tổ soạn thảo có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo hương ước, quy ước tuân thủ các Điều 3, 4, 5, 6 của Nghị định này và chuẩn bị hồ sơ để lấy ý kiến, thông qua và công nhận hương ước, quy ước theo quy định tại các Điều 8, 9, 10 Nghị định này và nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giao trong quá trình soạn thảo.

Điều 8. Lấy ý kiến dự thảo hương ước, quy ước

1. Dự thảo hương ước, quy ước trước khi đưa ra cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố bàn, biểu quyết thông qua phải được niêm yết công khai tại nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, bảng tin công cộng, điểm sinh hoạt cộng đồng hoặc địa điểm khác bảo đảm thuận tiện để hộ gia đình, công dân trong thôn, tổ dân phố tiếp cận, tìm hiểu và góp ý. Thời hạn niêm yết do cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố quyết định nhưng ít nhất là 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

2. Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân trong thôn, tổ dân phố về dự thảo hương ước, quy ước bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Sao gửi dự thảo hương ước, quy ước đến từng hộ gia đình, cá nhân;
- b) Mở hòm thư tiếp nhận ý kiến góp ý;
- c) Lồng ghép, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp, hội nghị của thôn, tổ dân phố hoặc hình thức phù hợp khác;
- d) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố.

Việc lựa chọn hình thức lấy ý kiến do Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố quyết định phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

3. Việc lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan do Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố quyết định nếu xét thấy cần thiết. Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Tổ soạn thảo hương ước, quy ước có trách nhiệm tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo hương ước, quy ước trên cơ sở ý kiến của hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 9. Thông qua hương ước, quy ước

1. Việc bàn, quyết định nội dung hương ước, quy ước được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Trong trường hợp cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Trình tự thủ tục tổ chức họp cộng đồng dân cư bàn, biểu quyết thông qua hương ước, quy ước thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Hương ước, quy ước được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

Điều 10. Công nhận hương ước, quy ước

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước.

2. Hương ước, quy ước được công nhận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phạm vi nội dung, hình thức của hương ước, quy ước phù hợp với quy định tại các Điều 5, 6 của Nghị định này;

b) Hương ước, quy ước được xây dựng tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục công nhận hương ước, quy ước thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định sau:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo và gửi hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước trên cơ sở nội dung hương ước, quy ước đã được cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố bàn, biểu quyết tại cuộc họp tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp biểu quyết hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận chậm nhất là 05 ngày làm việc.

Quyết định công nhận hương ước, quy ước thực hiện theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước bao gồm:

a) Quyết định của cộng đồng dân cư về hương ước, quy ước đã được thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

c) Giấy đề nghị công nhận của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hương ước, quy ước cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để tổ chức thực hiện.

6. Hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư có hiệu lực thi hành kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước bị bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở hoặc trái mục đích, nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước vi phạm của cộng đồng dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn quy định tại quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 12 Nghị định này mà thôn, tổ dân phố không tiến hành sửa đổi, bổ sung, thay thế. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bãi bỏ hoặc đề nghị cộng đồng dân cư sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Quyết định bãi bỏ hoặc văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước theo khoản 2 Điều này phải được Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân và gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước thực hiện theo Mẫu số 03, Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước quy ước thực hiện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Việc bãi bỏ làm chấm dứt giá trị thi hành của hương ước, quy ước kể từ ngày Quyết định bãi bỏ có hiệu lực pháp luật.

5. Cộng đồng dân cư tự mình quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hương ước, quy ước của mình khi xét thấy cần thiết hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định của mình theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 7, 8, 9 của Nghị định này.

Điều 12. Tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước bị tạm ngừng thực hiện một phần hoặc toàn bộ thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang được thực hiện phù hợp trong cộng đồng dân cư, tuy nhiên chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

b) Cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế theo đề xuất của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố hoặc công dân trên địa bàn khu dân cư khi phát hiện hương ước, quy ước có nội dung trái với quy định của pháp luật hoặc không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội.

2. Khi có căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước đồng thời hướng dẫn thôn, tổ dân phố tiến hành các thủ tục đề nghị công nhận theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 8, 9, 10 của Nghị định này hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế theo quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10 của Nghị định này.

3. Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước phải quy định rõ thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hoàn tất các thủ tục đề nghị công nhận theo quy định.

Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước thực hiện theo Mẫu số 05, Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước quy ước thực hiện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyết định bãi bỏ hoặc công nhận hương ước, quy ước có hiệu lực pháp luật hoặc hương ước, quy ước sửa đổi, bổ sung, thay thế có giá trị thi hành.

Chương III

THỰC HIỆN HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC

Điều 13. Thông tin, phổ biến về nội dung của hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước đã được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận phải được thông tin, phổ biến kịp thời, rộng rãi đến các hộ gia đình, công dân trong thôn, tổ dân phố để biết, thực hiện bằng ít nhất một trong các hình thức sau đây:

- a) Hội nghị của thôn, tổ dân phố;
- b) Niêm yết công khai tại nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng;
- c) Thông tin trên mạng lưới thông tin cơ sở;
- d) Sao gửi hương ước, quy ước đến từng hộ gia đình, cá nhân;
- đ) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố;
- e) Hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức các hoạt động thông tin, phổ biến

nội dung của hương ước, quy ước cho hộ gia đình, cá nhân trong thôn, tổ dân phố.

3. Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ thôn, tổ dân phố tổ chức thông tin, phổ biến, truyền thông và thực hiện hương ước, quy ước.

Điều 14. Thống kê, báo cáo về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Thống kê, báo cáo về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước bao gồm:

- a) Tình hình xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;
- b) Số lượng hương ước, quy ước được công nhận hoặc không được công nhận;
- c) Số lượng hương ước, quy ước được sửa đổi, bổ sung, thay thế;
- d) Số lượng hương ước, quy ước bị tạm ngừng thực hiện hoặc bị bãi bỏ;
- đ) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp thống kê, báo cáo theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn, hằng năm trước ngày 30/10 gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trước ngày 10/11 hằng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp thống kê, báo cáo theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố tổng hợp thống kê, báo cáo theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn, hằng năm trước ngày 30/11 gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và đồng thời gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Báo cáo sơ kết, tổng kết theo giai đoạn thực hiện theo kế hoạch, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân trong thực hiện hương ước, quy ước

1. Công dân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung của hương ước, quy ước trong thôn, tổ dân phố; thực hiện nghiêm túc các nội dung của hương ước, quy ước thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận

2. Hộ gia đình, công dân trong thôn, tổ dân phố có trách nhiệm tự tìm hiểu, tôn trọng, tuân thủ và thực hiện hương ước, quy ước đã được công nhận.

3. Khi phát hiện hành vi vi phạm hương ước, quy ước, hộ gia đình, cá nhân trong thôn, tổ dân phố có trách nhiệm nhắc nhở, đề nghị chấm dứt hành vi

vi phạm và khắc phục hậu quả hoặc phản ánh, kiến nghị với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố hoặc người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố để xem xét, giải quyết theo quy định của hương ước, quy ước.

4. Khi phát hiện hương ước, quy ước vi không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì công dân, hộ gia đình có quyền kiến nghị, phản ánh đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Thanh tra nhân dân và Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố để rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về hương ước, quy ước.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước đã được công nhận.

3. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn.

4. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt hương ước, quy ước; phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện hương ước, quy ước.

5. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước tại địa phương.

6. Định kỳ hằng năm rà soát các hương ước quy ước trên địa bàn đã được công nhận hoặc chưa được công nhận để chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, tạm ngừng thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 17. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác mặt trận trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm đôn đốc triển khai thực hiện hương ước, quy ước; theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố với Ủy ban nhân dân cấp xã; tập hợp, phản ánh, đề

ngợi chính quyền cấp xã giải quyết kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân trong thôn, tổ dân phố về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; định kỳ hằng năm đánh giá việc thực hiện hương ước, quy ước; rà soát, phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước hoặc kiến nghị xử lý hương ước, quy ước vi phạm.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố vận động hộ gia đình, công dân trong thôn, tổ dân phố thực hiện hương ước, quy ước; vận động xóa bỏ, không áp dụng phong tục, tập quán lạc hậu, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Điều 18. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đến xây dựng, thực hiện hương ước quy ước, đóng trên địa bàn phạm vi thực hiện hương ước, quy ước nêu cao, vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện và phối hợp, hỗ trợ bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước.

2. Khuyến khích già làng, trưởng bản, người đứng đầu dòng họ, người cao tuổi, chức sắc tôn giáo và những cá nhân có uy tín khác trong cộng đồng dân cư làm gương, tuyên truyền, vận động, nhắc nhở hộ gia đình, công dân trong thôn, tổ dân phố tuân thủ và thực hiện hương ước, quy ước.

3. Khuyến khích hòa giải viên ở cơ sở tham khảo, vận dụng hương ước, quy ước để hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp trong quá trình hòa giải tại cơ sở theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai thực hiện pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

c) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

d) Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

đ) Hướng dẫn việc ghi nhận các phong tục, tập quán tiến bộ; vận động xóa bỏ, không áp dụng phong tục, tập quán lạc hậu trong hương ước, quy ước;

e) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trả lời kiến nghị, phản ánh, khen thưởng và xử lý vi phạm trong thực hiện pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trong phạm vi cả nước; chỉ đạo, hướng dẫn việc xử lý hương ước, quy ước vi phạm;

g) Thống kê, báo cáo, sơ kết, tổng kết về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức liên quan kiểm tra, kiến nghị việc xử lý hương ước, quy ước vi phạm do có nội dung trái pháp luật, xâm phạm các quyền con người, quyền công dân.

3. Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nội dung quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều này.

4. Bộ Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn về kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước phù hợp với lĩnh vực được giao quản lý.

6. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều này tại địa phương và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng, thực hiện tốt hương ước, quy ước và pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về định hướng nội dung hương ước, quy ước làm cơ sở hướng dẫn xây dựng, công nhận hương ước, quy ước trên địa bàn phải phù hợp với yêu cầu về phạm vi nội dung hương ước, quy ước quy định tại Điều 5 của Nghị định này; hướng dẫn chuyên môn, rà soát, tổng hợp, thống kê, báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này.

9. Phòng Văn hóa - Thông tin, công chức Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với cơ quan Tư pháp cùng cấp, công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện Nghị định này.

Điều 20. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước do cộng đồng dân cư tự bảo đảm.

3. Kinh phí hỗ trợ việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư từ nguồn ngân sách của địa phương, do địa phương chủ động bố trí phù hợp với điều kiện ngân sách ở địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Khuyến khích việc hỗ trợ, đóng góp kinh phí, điều kiện cần thiết khác trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

1. Hương ước, quy ước đã được phê duyệt hoặc công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Nghị định này được tiếp tục thi hành.

2. Hương ước, quy ước đã được công nhận hoặc phê duyệt theo Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg ngày 19 tháng 6 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư và Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Nghị định này hoặc chưa được cấp có thẩm quyền công nhận phải được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc tiến hành thủ tục công nhận theo quy định tại Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, hương ước, quy ước chưa được công nhận phải được tiến hành thủ tục công nhận theo quy định tại Nghị định này.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2023.

2. Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP:BTCN, các PCN, TLBT, Công báo, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc VPCP;
- Lưu: VT, KGVX (5b).....

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP
ngày tháng năm 2023 của Chính phủ)*

Mẫu số 01: Giấy đề nghị công nhận hương ước, quy ước.

Mẫu số 02: Quyết định công nhận hương ước, quy ước.

Mẫu số 03: Quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước.

Mẫu số 04: Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước.

Mẫu số 05: Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước.

Mẫu số 01. Giấy đề nghị công nhận hương ước, quy ước

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)..., ngày tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HƯƠNG ƯỚC/QUY ƯỚC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã...(2).....

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Trên cơ sở Quyết định của cộng đồng thôn (1) họp ngày...tháng....năm... về việc bàn bạc thông qua hương ước/quy ước

Cộng đồng dân cư thôn... (1)... thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân xã(2).... công nhận hương ước, quy ước thôn...(1)... (*Hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước gửi kèm*).

Chúng tôi cam kết tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã....(2)....xem xét, công nhận./.

Nơi nhận:

.....

TM. THÔN...(1)...
TRƯỞNG THÔN...(3)...
(Ký)

Họ và tên

(1) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.

(2) Tên xã/phường/thị trấn.

(3) Trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố.

Mẫu số 02. Quyết định công nhận hương ước, quy ước

UBND XÃ.....(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

.....(1), ngày..... tháng..... Năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công nhận hương ước/ quy ước****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....(1)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Theo đề nghị của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kèm theo Quyết định này Hương ước/Quy ước Thôn....(2).

Điều 2. Giao Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2).... tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Hương ước/Quy ước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4.....(3)..... Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN*(Ký, đóng dấu)***Họ và tên**

(1) Tên xã/phường/thị trấn.

(2) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.

(3) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Mẫu số 03. Quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước

UBND XÃ.....(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

.....(1), ngày..... tháng..... Năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc bãi bỏ hương ước/ quy ước****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....(1)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Theo đề nghị của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ hoặc (3) Hương ước/Quy ước Thôn....(2) đã được công nhận tại Quyết định...(4). Lý do:....(5)

Điều 2. Giao Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2).... phổ biến đến toàn thể hộ gia đình, công dân trên địa bàn thôn/tổ dân phố về Hương ước/Quy ước (2) đã bị bãi bỏ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định...(3) hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4......(6)..... Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN*(Ký, đóng dấu)***Họ và tên***(1) Tên xã/phường/thị trấn.**(2) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.**(3) Nêu rõ điểm, khoản, điều, nội dung hương ước, quy ước vi phạm bị bãi bỏ một phần**(4) số hiệu ngày tháng năm Quyết định công nhận hương ước/quy ước vi phạm.**(5) Nêu rõ lý do nội dung vi phạm theo quy định tại khoản, Điều Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.**(6) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.*

Mẫu số 04. Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước.

UBND XÃ.....(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /UBND-VX
Về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế
hương ước/quy ước

.....(1), ngày..... tháng..... Năm.....

Kính gửi: Trưởng thôn/ Tổ trưởng tổ dân phố ...(2)

Thực hiện Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư, qua rà soát Hương ước/ Quy ước Thôn....(2) đã được công nhận tại Quyết định...(3) hoặc báo cáo của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)...., Ủy ban nhân dân xã...(1) đề nghị Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)... thực hiện:

1. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hương ước, quy ước Thôn...(2) bảo đảm mục đích, nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

2. Trình tự thủ tục sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bảo đảm việc soạn thảo, lấy ý kiến thông qua theo đúng quy định tại các Điều 7, 8, 9 của Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư

3. Hồ sơ đề nghị công nhận hương ước/ quy ước Thôn...(2) sau khi được cộng đồng dân cư thống nhất thông qua gửi Ủy Ban nhân dân xã...(1) trước ngày....tháng... năm... để xem xét, công nhận./.

Nơi nhận:

.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN*(Ký, đóng dấu)***Họ và tên***(1) Tên xã/phường/thị trấn.**(2) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.**(3) số hiệu ngày tháng năm Quyết định công nhận hương ước/quy ước phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.*

Mẫu số 05. Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước

UBND XÃ.....(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

.....(1), ngày..... tháng..... Năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc tạm ngừng thực hiện hương ước/ quy ước****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....(1)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Theo đề nghị của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm ngừng thực hiện toàn bộ hoặc (3) Hương ước/Quy ước Thôn...(2) đã được công nhận tại Quyết định...(4). Lý do:....(5) hoặc chưa được công nhận,

Điều 2. Giao Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2).... phổ biến đến toàn thể hộ gia đình, công dân trên địa bàn thôn/tổ dân phố về Hương ước/Quy ước (2) đã bị tạm ngừng thực hiện; trong thời gian...(6)...kể từ ngày Quyết định tạm dừng này có hiệu lực Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)... phải thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hoặc thủ tục đề nghị công nhận Hương ước/Quy ước Thôn...(2) theo quy định tại Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4......(7)..... Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN*(Ký, đóng dấu)***Họ và tên***(1) Tên xã/phường/thị trấn.**(2) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.**(3) Nêu rõ điểm, khoản, điều, nội dung hương ước, quy ước vi phạm bị tạm ngừng thực hiện một phần*

- (4) số hiệu ngày tháng năm Quyết định công nhận hương ước/quy ước vi phạm.*
- (5) Nêu rõ lý do nội dung vi phạm theo quy định tại khoản, Điều Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.*
- (6) Rõ thời gian cụ thể theo ngày*
- (7) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.*